

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM TỈNH
BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-02-2021

V/v “Ly hôn với một người bị
tuyên bố mất tích”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ngộ;

Ông Đỗ Quang Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bảo Thanh Toàn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc: Ly hôn với một người mất tích, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐST- DS ngày 18 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Triệu Hữu C, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn BR, xã YC, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt);

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1986. Đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định tuyên bố một người mất tích số 02/2019/QĐST-VDS ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Triệu Hữu C trình bày:**

1. *Về hôn nhân và tình trạng hôn nhân:* Anh Triệu Hữu C và chị Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/8/2005 tại Ủy ban nhân dân xã YH, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do không hợp nhau, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày.

Đến năm 2014 chị Lê Thị L đã bỏ đi khỏi nhà không có tin tức. Gia đình, họ hàng hai bên nội, ngoại đã tìm mọi biện pháp, tìm kiếm nhưng không có kết quả. Tháng 5/2019 anh Triệu Hữu C đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Lê Thị L mất tích

và được Tòa án chấp nhận. Ngày 21/10/2019 Tòa án nhân dân huyện CM đã ra quyết định số 02/2019/QĐST-VDS, tuyên bố chị Lê Thị L mất tích. Nay anh Triệu Hữu C xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Lê Thị L.

2. *Về con chung*: Anh Triệu Hữu C và chị Lê Thị L có 02 con chung. Con thứ nhất tên Triệu TH, sinh ngày 13/5/2003; Con thứ hai tên Triệu TQ, sinh ngày 24/5/2005 (Các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường). Nay anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả hai con chung. Về cấp dưỡng: Do chị Lê Thị L mất tích, nay anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án cháu Triệu TH, Triệu TQ có nguyện vọng được ở với anh Triệu Hữu C.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Triệu Hữu C xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

* Bị đơn Chị Lê Thị L đã bị Tòa án tuyên bố mất tích từ ngày 21/10/2019, không có lời khai tại trong quá trình giải quyết vụ án. Do bị đơn trong vụ án là người mất tích, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Tòa án căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn cung cấp và các căn cứ theo quy định của pháp luật để xem xét, giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thẩm tra viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng yêu cầu quy định. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình xem xét quyết định:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh Triệu Hữu C. Anh Triệu Hữu C được ly hôn chị Lê Thị L.

- *Về con chung*: Giao các con chung Triệu TH, sinh ngày 13/5/2003 và Triệu TQ, sinh ngày 24/5/2005 cho anh Triệu Hữu C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Triệu Hữu C không yêu cầu chị Lê Thị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh Triệu Hữu C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật

Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 207; 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Do chị Lê Thị L mất tích, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nay Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] *Về hôn nhân và tình trạng hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh Triệu Hữu C và chị Lê Thị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày. Mâu thuẫn diễn ra trong thời gian dài và ngày càng trầm trọng. Đến năm 2014 chị Lê Thị L bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay không có tin tức. Anh Triệu Hữu C đã thực hiện việc yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với chị Lê Thị L, đã được Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn ra quyết định số: 02/2019/QĐST-VDS ngày 14/10/2019 tuyên bố chị Lê Thị L mất tích. Nay anh Triệu Hữu C xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn chị Lê Thị L.

Quá trình xác minh tại địa phương về nơi cư trú, tình trạng hôn nhân chung giữa anh C, chị L xác định: Chị L đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2014 đến nay. Trước khi chị L bỏ đi thì giữa anh C và chị L đã có mâu thuẫn. Từ khi bỏ đi, không thấy chị L quay trở lại địa phương lần nào.

Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Triệu Hữu C.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Triệu TH, sinh ngày 13/5/2003 và Triệu TQ, sinh ngày 24/5/2005 (Các con chung khoẻ mạnh và phát triển bình thường). Anh Triệu Hữu C có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Triệu TH, Triệu TQ đến năm con chung đủ 18 tuổi.

Về điều kiện nuôi con chung: Hiện nay chị Lê Thị L đã bỏ đi khỏi địa phương và bị Tòa án tuyên bố mất tích nên anh Triệu Hữu C đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung. Thực tế từ khi chị Lê Thị L bỏ đi khỏi địa phương đến nay thì cả hai con chung đều được anh Triệu Hữu C tạo điều kiện ăn ở, chăm sóc và giáo dục tốt. Quá trình giải quyết vụ án cháu Triệu TH và Triệu TQ có nguyện vọng được ở với anh C để được chăm sóc tốt nhất. Hội đồng xét thấy cần giao con chung Triệu TH, Triệu TQ cho anh Triệu Hữu C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến năm đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Lê Thị L mất tích và anh Triệu Hữu C không yêu cầu chị Lê Thị L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Quá trình xác minh tại địa phương xác định anh C, chị L sống dựa trên tài sản, đất đai của bố mẹ đẻ anh C. Bản thân anh C, chị L không có tài sản gì. Anh C, chị L cũng không có thừa đất nào là tài sản chung tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, anh Triệu Hữu C xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản, do vậy Hội đồng xét xử

không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Triệu Hữu C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Triệu Hữu C. Anh Triệu Hữu C được ly hôn chị Lê Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung Triệu TH, sinh ngày 13/5/2003 và Triệu TQ, sinh ngày 24/5/2005 (Các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho anh Triệu Hữu C trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Triệu Hữu C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002187, quyển số 44 ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự huyện CM. Anh C đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn Triệu Hữu C; vắng mặt bị đơn Lê Thị L. Báo cho biết: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện CM;
 - VKSND tỉnh Bắc Kạn;
 - TAND tỉnh Bắc Kạn;
 - Cục THADS huyện CM;
 - UBND xã YH
- (Nơi Đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hiền